

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đơn vị được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu

Căn cứ để hạch toán doanh thu là giá trị Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/nghiệm thu giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty ước tính được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong năm nhận được Phiếu duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí

Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Ghi nhận Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	165.484.513	339.178.277
Tiền gửi ngân hàng	2.757.749.614	6.733.705.003
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	-	-
Cộng	2.923.234.127	7.072.883.280

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	26.801.159.587	43.409.104.519
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.935.510.150)	(5.142.651.919)
Cộng	21.865.649.437	38.266.452.600

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và tình hình trích lập dự phòng (Xem tại **Phụ lục 1**).

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu các đối thi công tiền ứng để thực hiện công trình	80.786.470.054	83.438.787.261
Phải thu khác	5.629.019.418	1.815.370.136
Cộng	86.415.489.472	85.254.157.397

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	101.178.960	153.543.960
Công cụ, dụng cụ	0	29.677.922
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.402.236.131	7.123.398.868
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.423.700)	(8.423.700)
Cộng	6.494.991.391	7.298.197.050

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	761.761.142	1.371.922.026
Cộng	761.761.142	1.371.922.026

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 2)

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (Phụ lục 3)

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.420.686.096	7.790.504.686	25.211.190.782
Số tăng trong năm	-	-	-
- Chuyển từ TSCĐ			-
Số giảm trong năm	11.510.000	-	11.510.000
Số dư cuối năm	17.409.176.096	7.790.504.686	25.199.680.782
Giá trị HMLK			
Số dư đầu năm	4.877.243.749	1.861.327.840	6.738.571.589
Số tăng trong năm	788.624.886	175.526.803	964.151.689
- Do trích khấu hao	788.624.886	175.526.803	964.151.689
- Chuyển từ TSCĐ			-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	5.665.868.635	2.036.854.643	7.702.723.278
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	12.543.442.347	5.929.176.846	18.472.619.193
Tại ngày cuối năm	11.743.307.461	5.753.650.043	17.496.957.504

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	1.316.185.110	1.316.185.110
Đầu tư dài hạn khác	8.381.670.000	7.531.670.000
Cộng	9.697.855.110	8.847.855.110

Trong đó:

a. Đầu tư cổ phiếu

	31/12/2014		01/01/2014	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
CP Công ty CP Thiết kế Bưu điện	20.000	250.375.110	20.000	250.375.110
CP Công ty CP XL Bưu điện Cần Thơ	15.000	156.450.000	15.000	156.450.000
CP Công ty CP Niên giám điện thoại những trang vàng	15.000	188.400.000	15.000	188.400.000
CP Công ty CP XL Bưu điện Hải Phòng	13.560	139.600.000	13.560	139.600.000
CP Công ty CP Nhựa Sam Phú	8.136	81.360.000	8.136	81.360.000
CP Công ty CP TM và Du lịch Hà Tĩnh	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Cộng		1.316.185.110		1.316.185.110

Đây là các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và cũng chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom). Tại thời điểm 30/06/2014 do không đủ cơ sở để xác định được giá thị trường của các chứng khoán này nên công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

b. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện. Thông tin về khoản đầu tư này như sau:

Tên đơn vị nhận vốn góp: Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện

Địa điểm:	Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế.
Vốn điều lệ của Công ty:	91.591.280.000 VND
Vốn đầu tư của Hacisco:	7.531.670.000 VND
Tỷ lệ vốn góp của Hacisco:	8.22%
Quyền biểu quyết	8.22%

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	28.653.355	118.545.334
Số tăng trong năm		67.831.835
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	23.906.870	157.723.814
Giảm khác	0	0
Số dư cuối kỳ	4.746.485	28.653.355

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	0	0
Chi phí sửa chữa, thay thế xe ô tô	0	0
Giá trị CCDC chờ phân bổ	4.746.485	28.653.355
Chi phí quảng cáo		
Cộng	4.746.485	28.653.355

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.396.000.000	176.000.000
- Vay ngân hàng	1.740.000.000	
- Vay đối tượng khác (CBCNV)	656.000.000	176.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	2.396.000.000	176.000.000

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.588.218.531	1.855.876.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	858.565.322	514.731.675
Thuế thu nhập cá nhân	1.240.174	1.240.174
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	
Cộng	4.448.024.027	2.371.848.218

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí Nguyên vật liệu	1.314.723.854	7.346.063.077